

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định tiêu chuẩn cán bộ, công chức xã, phường,
thị trấn trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Cán bộ, Công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 114/2003/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã;

Căn cứ Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Thông tư số 06/2012/TT- BNV ngày 30 tháng 10 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về chức trách, tiêu chuẩn cụ thể, nhiệm vụ và tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2013/TTLT- BNV - BQP ngày 10 tháng 4 năm 2013 của Liên Bộ Nội vụ và Bộ Quốc phòng hướng dẫn việc quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và bố trí sử dụng Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó Ban Chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Quyết định số 04/2004/QĐ- BNV ngày 16 tháng 01 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn cụ thể đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tiêu chuẩn cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 156/2008/QĐ-UBND ngày 25 tháng 01 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc ban hành quy định tiêu chuẩn cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các cơ quan liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đàm Văn Eng

QUY ĐỊNH

Tiêu chuẩn cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 14/2014/QĐ-UBND
ngày 11 tháng 6 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định tiêu chuẩn cụ thể của cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cán bộ, công chức cấp xã) trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cán bộ, công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh Cao Bằng bao gồm các chức danh: Bí thư Đảng ủy, Phó Bí thư Đảng ủy; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam; Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam; Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân; Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân; Tài chính - kế toán; Tư pháp - hộ tịch; Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã); Văn phòng - thống kê; Văn hóa - xã hội; Trưởng Công an xã; Chỉ huy trưởng Quân sự.

Điều 3. Mục đích của việc xác định tiêu chuẩn

Tiêu chuẩn của cán bộ, công chức cấp xã là căn cứ để cấp huyện, cấp xã thực hiện việc quy hoạch, kế hoạch, bầu cử, tuyển dụng, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng, xếp lương, nâng bậc lương và các chế độ, chính sách khác.

Điều 4. Tiêu chuẩn chung

Cán bộ, công chức cấp xã phải đáp ứng những tiêu chuẩn sau đây:

1. Có tinh thần yêu nước sâu sắc, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; có năng lực tổ chức vận động nhân dân thực hiện có kết quả đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước.

2. Cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, công tâm thạo việc, tận tụy với dân. Không tham nhũng và kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng. Có ý thức kỷ luật trong công tác. Trung thực, không cơ hội, gán bó mật thiết với nhân dân, được nhân dân tin nhiệm.

3. Có trình độ hiểu biết về lý luận chính trị, nắm vững quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; có trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp yêu cầu nhiệm vụ, vị trí việc làm, có đủ năng lực và sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

4. Am hiểu và tôn trọng phong tục, tập quán của cộng đồng dân cư trên địa bàn công tác.

5. Đối với công chức Chỉ huy trưởng Quân sự và Trưởng Công an xã ngoài những tiêu chuẩn quy định tại Khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này còn phải có khả năng phối hợp với các đơn vị Quân đội nhân dân; Công an nhân dân và lực lượng khác trên địa bàn tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân và thực hiện một số nhiệm vụ phòng thủ dân sự; giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ Đảng, chính quyền, bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân, tài sản của Nhà nước.

Chương II

TIÊU CHUẨN CỤ THỂ ĐỐI VỚI CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ

Mục 1

TIÊU CHUẨN CỤ THỂ ĐỐI VỚI CÁN BỘ CẤP XÃ

Điều 5. Tiêu chuẩn của Bí thư Đảng ủy và Phó Bí thư Đảng ủy

1. Tuổi đời: không quá 45 tuổi đối với nam, không quá 40 tuổi đối với nữ khi tham gia giữ chức vụ lần đầu (trừ trường hợp đã giữ chức vụ tương đương trở lên) và chỉ giữ chức vụ đến đủ 60 tuổi đối với nam, đủ 55 tuổi đối với nữ. Riêng Bí thư Đảng ủy giữ chức vụ không quá hai nhiệm kỳ liên tục.

2. Trình độ văn hóa: tốt nghiệp trung học phổ thông.

3. Lý luận chính trị: có trình độ trung cấp lý luận chính trị (hoặc trung cấp lý luận chính trị - hành chính) trở lên.

4. Chuyên môn nghiệp vụ: có trình độ trung cấp trở lên; đã qua bồi dưỡng nghiệp vụ công tác xây dựng Đảng, quản lý hành chính nhà nước, quản lý kinh tế.

Điều 6. Tiêu chuẩn của Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân

1. Tuổi đời: không quá 45 tuổi đối với nam, không quá 40 tuổi đối với nữ khi tham gia giữ chức vụ lần đầu (trừ trường hợp đã giữ chức vụ tương đương trở lên) và chỉ giữ chức vụ đến đủ 60 tuổi đối với nam, đủ 55 tuổi đối với nữ. Riêng Chủ tịch Hội đồng nhân dân giữ chức vụ không quá hai nhiệm kỳ liên tục.

2. Trình độ văn hóa: tốt nghiệp trung học phổ thông.

3. Lý luận chính trị: có trình độ trung cấp trở lên.

4. Chuyên môn nghiệp vụ: có trình độ trung cấp chuyên môn trở lên phù hợp với đặc điểm kinh tế - xã hội của loại hình đơn vị hành chính (xã, phường, thị trấn). Đã qua lớp bồi dưỡng quản lý hành chính Nhà nước, quản lý kinh tế, kiến thức và kỹ năng hoạt động đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã.

Điều 7. Tiêu chuẩn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân và Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân

1. Tuổi đời: không quá 45 tuổi đối với nam và 40 tuổi đối với nữ khi tham gia giữ chức vụ lần đầu (trừ trường hợp đã giữ chức vụ tương đương trở lên) và chỉ giữ chức vụ đến đủ 60 tuổi đối với nam, đủ 55 tuổi đối với nữ. Riêng Chủ tịch Ủy ban nhân dân giữ chức vụ không quá hai nhiệm kỳ liên tục.

2. Trình độ văn hóa: tốt nghiệp trung học phổ thông.

3. Lý luận chính trị: có trình độ trung cấp trở lên.

4. Chuyên môn nghiệp vụ: có trình độ trung cấp chuyên môn trở lên. Đã qua lớp bồi dưỡng quản lý hành chính Nhà nước, quản lý kinh tế.

Điều 8. Tiêu chuẩn của Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam, Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam

1. Tuổi đời:

a) Đối với Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam không quá 60 tuổi đối với nam, không quá 55 tuổi đối với nữ khi tham gia giữ chức vụ lần đầu.

b) Đối với Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam không quá 55 tuổi đối với nam, không quá 50 tuổi đối với nữ khi tham gia giữ chức vụ lần đầu.

c) Đối với Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam không quá 55 tuổi đối với nam, không quá 50 tuổi đối với nữ khi tham gia giữ chức vụ lần đầu.

d) Đối với Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh giữ chức vụ lần đầu không quá 30 tuổi và chỉ giữ chức vụ không quá 35 tuổi; đối với vùng đặc biệt khó khăn, biên giới, giữ chức vụ không quá 37 tuổi.

đ) Đối với Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam: không quá 65 tuổi khi tham gia giữ chức vụ.

2. Trình độ văn hóa:

a) Đối với Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên.

b) Đối với Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam tốt nghiệp trung học cơ sở trở lên.

3. Lý luận chính trị:

a) Đối với Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có trình độ trung cấp trở lên.

b) Đối với Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam có trình độ sơ cấp và tương đương trở lên.

4. Chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Đối với Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam, Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam có trình độ chuyên môn nghiệp vụ từ trung cấp trở lên.

b) Đối với Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam đã được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ lĩnh vực công tác được phân công tương đương trình độ sơ cấp trở lên.

Mục 2

TIÊU CHUẨN CỤ THỂ ĐỐI VỚI CÔNG CHỨC CẤP XÃ

Điều 9. Tiêu chuẩn của công chức Trưởng Công an xã

1. Độ tuổi: đủ 18 tuổi trở lên.
2. Trình độ văn hóa: tốt nghiệp trung học phổ thông.
3. Lý luận chính trị: sau khi được tuyển dụng phải có trình độ trung cấp lý luận chính trị trở lên.
4. Chuyên môn nghiệp vụ: có trình độ trung cấp trở lên các ngành công an; quản lý trật tự xã hội, cảnh sát. Sau khi được tuyển dụng phải qua bồi dưỡng quản lý hành chính nhà nước, sử dụng thành thạo các trang thiết bị phù hợp với ngành chuyên môn trong công tác.
5. Trình độ tin học: có chứng chỉ tin học văn phòng trình độ A trở lên.
6. Sau khi được tuyển dụng phải được xem xét, bồi dưỡng, kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam.

Điều 10. Tiêu chuẩn của công chức Chỉ huy trưởng Quân sự

1. Độ tuổi: đủ 18 tuổi trở lên.
2. Trình độ văn hóa: tốt nghiệp trung học phổ thông.
3. Lý luận chính trị: sau khi được tuyển dụng phải có trình độ trung cấp lý luận chính trị trở lên.
4. Chuyên môn nghiệp vụ: phải có trình độ trung cấp quân sự cơ sở (hoặc trung cấp chuyên nghiệp ngành quân sự cơ sở) trở lên và sĩ quan dự bị cấp phân đội. Sau khi được tuyển dụng phải qua bồi dưỡng quản lý hành chính Nhà nước về quốc phòng cấp xã, sử dụng thành thạo các trang thiết bị phù hợp với ngành chuyên môn trong công tác.
5. Trình độ tin học: có chứng chỉ tin học văn phòng trình độ A trở lên.

Điều 11. Tiêu chuẩn của Công chức Tài chính - kế toán

1. Độ tuổi: đủ 18 tuổi trở lên
2. Trình độ văn hóa: tốt nghiệp trung học phổ thông.
3. Lý luận chính trị: sau khi được tuyển dụng được bồi dưỡng trình độ trung cấp lý luận chính trị trở lên.

4. Chuyên môn nghiệp vụ: phải có trình độ trung cấp chuyên môn nghiệp vụ trở lên thuộc các ngành Tài chính nhà nước (Tài chính công) kế toán hành chính sự nghiệp (kế toán hành chính sự nghiệp, kế toán ngân sách); kế toán lao động tiền lương và bảo trợ xã hội; hạch toán kế toán; kiểm toán (kiểm toán, kế toán kiểm toán); tài chính - ngân hàng (tài chính - ngân hàng, ngân hàng, nghiệp vụ tài chính ngân hàng, tài chính, tài chính tiền tệ, quản lý ngân sách); Quản trị kinh doanh chuyên ngành Quản trị Tài chính. Sau khi tuyển dụng phải qua bồi dưỡng quản lý hành chính Nhà nước; sử dụng thành thạo các trang thiết bị phù hợp với ngành chuyên môn trong công tác.

5. Trình độ tin học: có chứng chỉ tin học văn phòng trình độ A trở lên.

Điều 12. Tiêu chuẩn của công chức Tư pháp - hộ tịch

1. Độ tuổi: đủ 18 tuổi trở lên.

2. Trình độ văn hóa: tốt nghiệp trung học phổ thông.

3. Lý luận chính trị: sau khi được tuyển dụng được bồi dưỡng trình độ trung cấp lý luận chính trị trở lên.

4. Chuyên môn nghiệp vụ: phải có trình độ trung cấp chuyên môn nghiệp vụ trở lên thuộc các ngành: luật, thanh tra, kiểm sát. Sau khi tuyển dụng phải qua bồi dưỡng nghiệp vụ tư pháp cấp xã và bồi dưỡng quản lý hành chính nhà nước, sử dụng thành thạo các trang thiết bị phù hợp với ngành chuyên môn trong công tác.

5. Trình độ tin học: có chứng chỉ tin học văn phòng trình độ A trở lên.

Điều 13. Tiêu chuẩn của công chức Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn); Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã)

1. Độ tuổi: đủ 18 tuổi trở lên.

2. Trình độ văn hóa: tốt nghiệp trung học phổ thông.

3. Lý luận chính trị: sau khi được tuyển dụng được bồi dưỡng trình độ trung cấp lý luận chính trị trở lên.

4. Chuyên môn nghiệp vụ:

a) Đối với công chức phụ trách lĩnh vực địa chính (hoặc địa chính - xây dựng): phải có trình độ trung cấp chuyên môn nghiệp vụ trở lên thuộc một trong các ngành địa chính; quản lý đất đai; địa chính- môi trường; trắc địa bản đồ hoặc

trung cấp xây dựng; xây dựng dân dụng và công nghiệp, kỹ thuật công trình; kỹ thuật xây dựng công trình; xây dựng cầu đường; kinh tế xây dựng; giao thông; thủy lợi; kiến trúc và quy hoạch. Sau khi được tuyển dụng phải qua bồi dưỡng quản lý hành chính nhà nước; sử dụng thành thạo các trang thiết bị phù hợp với ngành chuyên môn trong công tác.

b) Đối với công chức phụ trách lĩnh vực nông nghiệp (hoặc nông nghiệp - môi trường): phải có trình độ trung cấp chuyên môn nghiệp vụ trở lên thuộc một trong các ngành chăn nuôi, thú y; trồng trọt; bảo vệ thực vật; thủy lợi; phát triển nông thôn; khoa học môi trường; quản lý tài nguyên và môi trường (quản lý tài nguyên và môi trường, quản lý tài nguyên rừng và môi trường, kiểm soát và bảo vệ môi trường, quản lý môi trường, công nghệ môi trường, công nghệ kỹ thuật môi trường); khuyến nông; nông học, sinh học; kinh tế nông nghiệp; nông lâm kết hợp; Lâm học; lâm nghiệp; lâm sinh; khoa học đất; khoa học cây trồng và công nghệ sinh học. Sau khi được tuyển dụng phải qua bồi dưỡng quản lý hành chính nhà nước, sử dụng thành thạo các trang thiết bị phù hợp với ngành chuyên môn trong công tác.

c) Đối với công chức phụ trách lĩnh vực đô thị - môi trường (phường, thị trấn): phải có trình độ trung cấp chuyên môn nghiệp vụ trở lên thuộc một trong các ngành quản lý tài nguyên và môi trường (quản lý tài nguyên và môi trường, kiểm soát và bảo vệ môi trường, quản lý môi trường, công nghệ môi trường, công nghệ kỹ thuật môi trường); quản lý công trình đô thị (quản lý công trình đô thị, quản lý đô thị); xây dựng; kiến trúc (quy hoạch đô thị, quy hoạch hạ tầng đô thị). Sau khi được tuyển dụng phải qua bồi dưỡng quản lý hành chính Nhà nước, sử dụng thành thạo các trang thiết bị phù hợp với ngành chuyên môn trong công tác.

5. Trình độ tin học: có chứng chỉ tin học văn phòng trình độ A trở lên.

Điều 14. Tiêu chuẩn của công chức Văn phòng - thống kê

1. Độ tuổi: đủ 18 tuổi trở lên.

2. Trình độ văn hóa: tốt nghiệp trung học phổ thông.

3. Lý luận chính trị: sau khi được tuyển dụng được bồi dưỡng trình độ trung cấp lý luận chính trị trở lên.

4. Chuyên môn nghiệp vụ:

a) Đối với công chức phụ trách lĩnh vực hành chính văn phòng: phải có trình độ trung cấp chuyên môn nghiệp vụ trở lên ngành luật, hành chính; văn thư - lưu trữ (văn thư, văn thư lưu trữ, lưu trữ hành chính văn thư, nghiệp vụ văn thư lưu trữ); hành chính văn thư (hành chính văn thư, quản trị hành chính văn thư, hành chính) hoặc trung cấp hành chính - văn phòng; thư ký văn phòng; quản trị văn phòng; lưu trữ học; công nghệ thông tin, quản lý công; quản trị nhân lực. Sau khi được tuyển dụng phải qua bồi dưỡng quản lý hành chính Nhà nước (nếu chưa qua trung cấp hành chính - văn phòng trở lên), sử dụng thành thạo các trang thiết bị phù hợp với ngành chuyên môn trong công tác.

b) Đối với công chức phụ trách lĩnh vực thống kê: phải có trình độ trung cấp chuyên môn nghiệp vụ trở lên thuộc các ngành thống kê. Sau khi được tuyển dụng phải qua bồi dưỡng quản lý hành chính nhà nước, sử dụng thành thạo các trang thiết bị phù hợp với ngành chuyên môn trong công tác.

5. Trình độ tin học: có chứng chỉ tin học văn phòng trình độ A trở lên.

Điều 15. Tiêu chuẩn của công chức Văn hóa - xã hội

1. Độ tuổi: đủ 18 tuổi trở lên.

2. Trình độ văn hóa: tốt nghiệp trung học phổ thông.

3. Lý luận chính trị: sau khi được tuyển dụng được bồi dưỡng trình độ trung cấp lý luận chính trị trở lên.

4. Chuyên môn nghiệp vụ:

a) Đối với công chức phụ trách lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch: phải có trình độ trung cấp chuyên môn nghiệp vụ trở lên thuộc các ngành văn hóa nghệ thuật; quản lý văn hóa; Văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam; quản lý văn hóa nghệ thuật; quản lý văn hoá thông tin; văn hóa cơ sở; văn hóa học; báo chí - tuyên truyền, thể dục - thể thao. Sau khi được tuyển dụng phải qua bồi dưỡng quản lý hành chính nhà nước và ngành chuyên môn liên quan tới nhiệm vụ được giao, sử dụng thành thạo các trang thiết bị phù hợp với ngành chuyên môn trong công tác.

b) Đối với công chức phụ trách lĩnh vực lao động, thương binh và xã hội: phải có trình độ trung cấp chuyên môn nghiệp vụ trở lên thuộc các ngành lao động xã hội, xã hội học, lao động tiền lương và bảo trợ xã hội, công tác xã hội; khoa học quản lý, quản lý lao động, bảo hiểm. Sau khi được tuyển dụng phải

qua bồi dưỡng quản lý hành chính Nhà nước và ngành chuyên môn liên quan tới nhiệm vụ được giao, sử dụng thành thạo các trang thiết bị phù hợp với ngành chuyên môn trong công tác.

5. Trình độ tin học: có chứng chỉ tin học văn phòng trình độ A trở lên.

Mục 3

TIÊU CHUẨN VỀ TIẾNG DÂN TỘC ĐỐI VỚI CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ Ở ĐỊA PHƯƠNG CÓ ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ

Điều 16. Những cán bộ, công chức cấp xã công tác tại các nơi có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống phải biết ít nhất tiếng của một dân tộc thiểu số. Nếu thời điểm phê chuẩn, chuẩn y giữ chức vụ cán bộ cấp xã hoặc khi tuyển dụng công chức cấp xã mà chưa biết tiếng dân tộc thiểu số thì sau khi phê chuẩn, chuẩn y giữ chức vụ cán bộ cấp xã hoặc sau khi tuyển dụng công chức cấp xã phải hoàn thành lớp học tiếng dân tộc thiểu số phù hợp với địa bàn công tác được phân công.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có trách nhiệm căn cứ các quy định nêu trên và tình hình thực tế ở địa phương xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai và thực hiện theo quy định về tiêu chuẩn đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm trong việc bố trí, tuyển dụng cán bộ, công chức cấp xã theo đúng tiêu chuẩn quy định.

3. Hàng năm, rà soát, lập kế hoạch quy hoạch; đào tạo, bồi dưỡng và đăng ký với cơ quan có thẩm quyền để cử cán bộ, công chức cấp xã đi đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và đạt chuẩn theo quy định.

Điều 18. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Tổ chức triển khai, quán triệt đến toàn thể cán bộ, công chức trong xã, phường, thị trấn.

2. Hàng năm, căn cứ kế hoạch của Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức rà soát, lập kế hoạch quy hoạch; bố trí các chức danh cán bộ cấp xã. Đăng ký nhu cầu tuyển dụng, bố trí công chức cấp xã để Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã theo quy định.

3. Rà soát, lập kế hoạch quy hoạch; đào tạo, bồi dưỡng và đăng ký với cơ quan có thẩm quyền để cử cán bộ, công chức cấp xã đi đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và đạt chuẩn theo quy định.

Điều 19. Điều khoản thi hành

Giám đốc Sở Nội vụ có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã tổ chức thực hiện quy định này. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để chỉ đạo, giải quyết./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đàm Văn Eng